

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /2024/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua
việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà
nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu
khoa học và phát triển công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công
nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ
Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông
tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày
26/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều
chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và
công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng
12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài*

chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BKHHCN ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN ngày 12/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 932/TTr-SKHHCN ngày 24/6/2024; Báo cáo thẩm định số: 999/BC-STP ngày 21/6/2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2024 và thay thế Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Lê Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Kèm theo Quyết định số: 22 /2024/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định các nội dung về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định, bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học (sau đây gọi tắt là đề án); chương trình khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là chương trình) trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh và có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án, đề án.

- Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, nghiên cứu phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm trên địa bàn tỉnh.

- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

- Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chủ yếu, góp phần nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Đề án khoa học cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh.

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là đề xuất nhiệm vụ) là việc đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua cơ quan tham mưu là sở Khoa học và Công nghệ nhằm thực hiện yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân hoặc đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Nam Định.

3. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ban, ngành và địa phương với Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động đề xuất đặt hàng để giải quyết các vấn đề cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng là đề tài, dự án, đề án khoa học có nội dung thể hiện về tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, và do Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng đối với tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Yêu cầu chung

- Phải đảm bảo tính cấp thiết hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh.

- Phải đảm bảo các yêu cầu, nguyên lý cơ bản về khoa học, công nghệ; đảm bảo giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ cấp thiết ưu tiên ở các ngành, lĩnh vực.

- Các vấn đề khoa học phải đảm bảo phát huy tốt được các nguồn lực về khoa học công nghệ và nguồn lực tài chính; đảm bảo giải quyết được những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

3

- Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

- Có dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra.

- Có dự kiến thời gian thực hiện phù hợp để đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gồm: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp, phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến: Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; hoặc được hoàn thành ở dạng mẫu (vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi); hoặc có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc có khả năng được cấp bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Có tính mới; kết quả nghiên cứu bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ bảo đảm tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Có xuất xứ công nghệ từ: Công nghệ được chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

c) Có khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

4. Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học

Có kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 4. Nội dung thể hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng được thể hiện qua: “Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện”, phù hợp với quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Mục “Yêu cầu đối với kết quả” bao gồm một số chỉ tiêu, thông số chính, dự kiến yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ, các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu về tính mới, yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu;

b) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: các yêu cầu về tính mới, bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đối với đề tài khác: Các yêu cầu về tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác;

d) Đối với dự án: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;

đ) Đối với đề án khoa học: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

Điều 5. Xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh

1. Đề xuất đặt hàng

a) Căn cứ hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh, hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh;

b) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng đề xuất đặt hàng (theo mẫu Phiếu đề xuất nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN, ngày 25/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước) gửi về Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Trình tự xây dựng đề xuất đặt hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

2. Tổng hợp và đề xuất xử lý đặt hàng: Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng;

tiến hành rà soát hoàn chỉnh danh mục đề xuất đặt hàng trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn) theo chuyên ngành để xem xét, đánh giá một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực.

b) Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 11 thành viên là các ủy viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học.

c) Các Thành viên Hội đồng là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với các nhiệm vụ đề xuất đặt hàng do Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu thành lập và đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ đặt hàng.

4. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Thảo luận, xem xét, thẩm định và thống nhất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào thực hiện do Sở Khoa học và Công nghệ tư vấn và có thể bổ sung các nhiệm vụ ngoài danh mục do Sở Khoa học và Công nghệ trình nhưng phải từ nguồn do các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã đặt hàng;

b) Các thành viên Hội đồng bỏ phiếu thống nhất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị thực hiện;

c) Thư ký lập Biên bản làm việc của Hội đồng.

5. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề án khoa học, đề tài, dự án: được thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14 của Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng

a) Trên cơ sở danh mục đề tài, dự án; đề án; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình do hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh đề xuất, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ và giao Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai đề tài, dự án, đề án, dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình đặt hàng để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt;

c) Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có đề xuất đặt hàng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

Chương III
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CÁ NHÂN THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 6. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đảm bảo tính công bằng, khách quan, minh bạch và dân chủ. Danh mục các nhiệm vụ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn cũng như kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

2. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

3. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn, ý kiến tham mưu của đơn vị quản lý chuyên môn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

4. Danh mục các nhiệm vụ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày để tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn lần 2 trong khoảng thời gian không quá 06 tháng tính từ ngày bắt đầu thông báo tuyển chọn lần 1 trong các trường hợp sau:

- a) Khi hết thời gian thông báo tuyển chọn mà không có hồ sơ đăng ký tuyển chọn;
- b) Các hồ sơ không hợp lệ khi tiến hành mở, kiểm tra hồ sơ;
- c) Các hồ sơ bị hủy kết quả tuyển chọn theo quy định.

Điều 7. Điều kiện tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp

1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, có hoạt động phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Chức năng, nhiệm vụ theo đăng ký hoạt động của tổ chức không phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất;

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác đã hoặc đang thực hiện theo quy định hiện hành;

c) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chưa thực hiện báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác đã thực hiện theo quy định hiện hành;

d) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

đ) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo quy định;

e) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và có kinh nghiệm hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ từ 03 năm trở lên, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có khả năng đảm bảo thời gian để tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tại thời điểm nộp Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ vẫn đang làm Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác của tỉnh;

b) Tại thời điểm nộp Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiều sai phạm hoặc có sai phạm nghiêm trọng dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Hồ sơ tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN, ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp

1. Hội đồng tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập (Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ thành lập Hội đồng riêng):

a) Hội đồng tư vấn có từ 05 đến 09 thành viên là các ủy viên, gồm Chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học, 02 thành viên làm ủy viên phản biện và các thành viên khác.

b) Thành viên Hội đồng phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được tham gia Hội đồng tư vấn:

a) Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ;

c) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

d) Có căn cứ rõ ràng về việc không vô tư, không khách quan khi tham gia hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ;

đ) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học và thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ;

e) Cá nhân chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

3. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Hội đồng họp theo các phương thức: trực tiếp, trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp. Các phương thức họp hội đồng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định. Đối với các trường hợp họp trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến, tài liệu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư 20/2023/TT-BKHHCN ngày 12/10/2023 và được đăng tải thông tin, tài liệu trên hệ thống thông tin của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn: Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện. Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học;

c) Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn: đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ kiểm tra thực tế năng lực (cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính) của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 20/2023/TT-BKH-CN, ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn độc lập với tối thiểu 03 thành viên nhằm phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp về nội dung, mục tiêu, kết quả phải đạt và yêu cầu nhân lực, thời gian thực hiện các công việc của nhiệm vụ.

Điều 10. Thẩm định kinh phí

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí đối với từng nhiệm vụ trên cơ sở thuyết minh đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng tư vấn.

2. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm 05 thành viên: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các thành viên thuộc bộ phận quản lý tài chính, phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp cần thiết có thể mời thêm chuyên gia, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ tham dự và giải trình.

3. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí

a) Nguyên tắc làm việc

- Chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ theo quy định Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Tổ thẩm định.

- Phải có mặt ít nhất 4/5 thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của Hội đồng.

- Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp. Trong trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

- Có kết luận tập thể về nội dung thẩm định. Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định được bảo lưu và ghi rõ trong Biên bản.

b) Nhiệm vụ của Tổ thẩm định kinh phí

- rà soát lại nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng tư vấn và nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

- Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với:

+ Các nội dung nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng tư vấn và các nội dung chỉnh sửa khác (nếu có);

+ Thời gian cần thiết để thực hiện;

+ Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành;

+ Thuyết minh chi tiết về các nội dung công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi.

- Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước và phương án huy động của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ (nếu có); các hồ sơ tài liệu phải bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

- Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

c) Các thành viên trong Tổ thẩm định kinh phí chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn (về tính hợp pháp, tính chính xác và tính hợp lý của kết quả thẩm định).

d) Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN, ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Tổ thẩm định, giải trình chi tiết kết luận của Tổ thẩm định và nộp lại cho đơn vị quản lý chuyên môn sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến của chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí.

2. Hồ sơ trình phê duyệt được thực hiện theo khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN, ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ. Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai nghiên cứu và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu (không quá 03 tháng).

Điều 12. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và công khai thông tin

1. Sau khi kết thúc quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp thư ký Hội đồng của các phiên họp có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu giữ và quản lý theo quy định hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công khai thông tin về kết quả tuyển chọn nhiệm vụ (trừ các nhiệm vụ có nội dung chứa bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định) theo quy định cụ thể như sau:

a) Nội dung công khai: Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng; Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ;

b) Phương thức công khai: trong thời hạn 15 ngày kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn và đăng tải tối thiểu 30 ngày trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Nam Định, Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 13. Hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

1. Trong quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp Sở Khoa học và Công nghệ hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ;

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 7 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 11 Thông tư số 20/2023/TT-BKH-CN, ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 20/2023/TT-BKH-CN, ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kể từ ngày Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ quyết định trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ;

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 7 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức chủ trì đề nghị không thực hiện nhiệm vụ hoặc đề xuất thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn 07 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tới tổ chức chủ trì:

a) Hủy kết quả tham gia tuyển chọn đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Hủy kết quả họp Hội đồng tư vấn đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Hủy kết quả thẩm định kinh phí đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

d) Hủy Quyết định phê duyệt kinh phí nhiệm vụ đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Điều kiện khoán chi, nội dung khoán chi, các yêu cầu của khoán chi được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ KÝ KẾT, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 15. Phê duyệt thuyết minh và ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh, ký kết Hợp đồng khoa học công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKH-CN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” để tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có những phát sinh liên quan đến nội dung của Hợp đồng thì Sở Khoa học và Công nghệ ký kết Phụ lục hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 16. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội

dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

3. Trước khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra về nội dung thực hiện, sản phẩm và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 17. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ được thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ được quyền điều chỉnh mục tiêu, nội dung và sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có ý kiến của Hội đồng tư vấn và ý kiến đồng thuận bằng văn bản đề nghị của cơ quan đề xuất nhiệm vụ; điều chỉnh khối lượng công việc và dự toán giữa các nội dung nhưng không làm tăng tổng dự toán nhiệm vụ; điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ 01 lần nhưng không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

Trường hợp điều chỉnh thời gian nhiều hơn so với quy định; đổi tên nhiệm vụ, đơn vị chủ trì nhiệm vụ, thay đổi tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (trong trường hợp tăng) do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 21, Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương V

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 18. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trước thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc thời gian được gia hạn (nếu có), tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm nộp Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ để phục vụ việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể về báo cáo kết quả thực hiện và

các tài liệu liên quan để phục vụ nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành.

Điều 19. Đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc đánh giá nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiến hành như sau:

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 20. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thủ trưởng tổ chức chủ trì ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ. Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, gồm Chủ tịch và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và cử một thành viên làm thư ký khoa học. Thành viên của Hội đồng là những người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng này.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ (số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm...) so với Thuyết minh và Hợp đồng khoa học công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

4. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp và sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Khoản 2, 3 Điều 12 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Kết quả tự đánh giá, xếp loại theo các mức: "Đạt" hoặc "Không đạt".

Hồ sơ được Hội đồng cơ sở đánh giá xếp loại "Đạt" thì mới tiến hành nghiệm thu cấp tỉnh.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá là “Không đạt”, Hội đồng cơ sở nêu rõ lý do và đề nghị nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục hoàn thiện hoặc báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để xử lý.

Điều 21. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Hội đồng có từ 05 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và cử một thành viên làm thư ký khoa học. Thành viên Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có chuyên môn phù hợp.

Cá nhân không được tham gia Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN, ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp tham dự phiên họp của Hội đồng.

2. Phiên họp của Hội đồng:

Phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình.

- Hội đồng đánh giá theo tiêu chí trong phiếu đánh giá (Phiếu đánh giá vận dụng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014) và bỏ phiếu xếp loại theo các mức: "Xuất sắc", "Đạt", "Không đạt";

Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt”, Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân “Không đạt” (chủ quan, khách quan). Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

3. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá là “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, đơn vị chủ trì nhiệm

vụ khoa học và công nghệ và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

5. Lấy ý kiến tư vấn độc lập được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 22. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm nộp hồ sơ quyết toán đầy đủ, hợp lệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc quyết toán, thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Chương VI

ĐĂNG KÝ, LƯU TRỮ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 23. Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Trường hợp không thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì bị xử phạt về vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác.

2. Công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Quản lý, xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài

sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, Thông tư số 02/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản theo hình thức ghi tăng tài sản và giá trị tài sản cho tổ chức chủ trì là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội đối với: Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác. Tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản hoặc trên 1 gói thầu mua sắm.

3. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định giao tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác theo hình thức ghi tăng tài sản và giá trị tài sản cho tổ chức chủ trì là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội đối với tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm (trừ tài sản công quy định tại điểm a khoản 2 điều này).

4. Tài sản thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chấm dứt hợp đồng, dừng thực hiện, tổ chức chủ trì có trách nhiệm kiểm kê, lập phương án xử lý bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn và chủ trì tổ chức thực hiện Quy định này và các quy định khác có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.